

# Bảo đảm quyền được sử dụng nước sạch của con người

○ NGUYỄN VĂN THÀNH  
Viện Khoa học Thủy lợi

*Ngày Nước thế giới 22/3/2024 được Liên hợp quốc phát động với chủ đề “Leveraging water for peace” - “Nước cho hòa bình”, tập trung vào vai trò quan trọng của tài nguyên nước đối với sự ổn định và thịnh vượng của thế giới. Khi nguồn nước bị khan hiếm hoặc ô nhiễm, khi mọi người không có khả năng tiếp cận nước an toàn hoặc không được tiếp cận nước một cách bình đẳng, căng thẳng có thể gia tăng giữa những cộng đồng và các quốc gia.*

## 6 thách thức về an ninh nguồn nước

Nước ta có 108 lưu vực sông với khoảng 3.450 sông, suối tương đối lớn. Tổng lượng dòng chảy hằng năm khoảng 844 tỷ m<sup>3</sup>, chủ yếu tập trung vào mùa mưa (từ 3 đến 5 tháng), mùa khô (từ 7-9 tháng) chỉ chiếm từ 20% đến 30% lượng dòng chảy năm. Lượng nước từ nước ngoài chảy vào Việt Nam khoảng 504 tỷ m<sup>3</sup>, chiếm 60% tổng lượng dòng chảy của các sông của nước ta, cụ thể: Đồng bằng sông Cửu Long có tới 95% tổng lượng nước là từ nước ngoài (Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia) chảy vào lưu vực sông Hồng-Thái Bình có gần 40% tổng lượng nước là từ Trung Quốc. Trong khi đó, chỉ có khoảng từ 310 tỷ m<sup>3</sup> đến 320 tỷ m<sup>3</sup> được sản sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

Lượng nước bình quân đầu người trên 9.000 m<sup>3</sup>/năm. Nước dưới đất cũng có tổng trữ lượng tiềm năng khoảng 63 tỉ m<sup>3</sup>/năm, phân bố ở 26 đơn vị chứa nước lớn, nhưng tập trung chủ yếu ở Đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên, nguồn TNN của Việt Nam chỉ ở mức trung bình của thế giới,

trong khi môi trường nước các lưu vực sông đang đứng trước sức ép rất lớn bởi nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất và dân sinh ngày một tăng.

Để đảm bảo an ninh nguồn nước cho trên 100 triệu dân và đáp ứng cho nền kinh tế đang phát triển, an ninh nguồn nước đứng trước 6 thách thức lớn:

*Một là*, thiếu nước do lượng phân bố không đều theo không gian và thời gian; hệ thống trữ nước, điều tiết, phân phối nước phát huy hiệu quả chưa cao và nhu cầu sử dụng nước ngày càng gia tăng. Thiếu nước xuất phát từ nhu cầu phát triển KT-XH, cụ thể, theo thống kê, bình quân trong vòng 50 năm qua, nhu cầu nước đã tăng gấp 3 lần. Tại một số tỉnh, thành phố trong cả nước, có nơi lượng mưa nhiều, lượng nước dồi dào nhưng cũng có nhiều khu vực vẫn có tình trạng thiếu nước cục bộ.

*Hai là*, tác động của BĐKH, nước biển dâng và hiện tượng thời tiết cực đoan làm gia tăng các loại hình thiên tai như bão, lũ, mưa lớn, hạn hán, xâm mặn đe dọa nguồn nước ngọt của các sông, nước dưới đất.

*Ba là*, ô nhiễm nguồn nước từ các hoạt động sản xuất, sinh hoạt ngày càng gia tăng, có nơi đến mức báo động. Ô nhiễm nguồn nước còn xuất phát từ vấn đề xâm mặn, hạn hán kéo dài dẫn đến tình trạng xâm nhập mặn vào sâu hơn, ảnh hưởng đến nhiễm mặn các dòng sông đặt ra vấn đề chống xâm mặn ở những nơi chưa từng xảy. Điều này dẫn đến tình trạng có nước nhưng không sử dụng được hoặc sẽ phải tăng chi phí để xử lý nước.

*Bốn là*, nguồn nước phụ thuộc lớn vào nguồn nước sông quốc tế ảnh hưởng lớn đến tính chủ động trong tích trữ, điều tiết nước cho các ngành kinh tế.

*Năm là*, khả năng tiếp cận nguồn nước sạch, an toàn với chi phí hợp lý cho sản xuất, sinh hoạt còn chưa cao, đặc biệt ở địa bàn có điều kiện địa lý, điều kiện KT-XH khó khăn.

*Sáu là*, giá trị sử dụng nước của Việt Nam rất thấp, chỉ tạo ra 2,37 USD/m<sup>3</sup> nước, bằng khoảng 1/10 so với mức trung bình toàn cầu là 19,42 USD. Tỷ lệ thất thoát nước trong cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn còn cao (20-25%), trong thủy lợi khoảng 30%.

Để Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển bền vững SDGs 6.1, đến năm 2030, đạt được sự tiếp cận phổ cập và công bằng với nguồn nước uống an toàn và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người; và mục tiêu SDG 6.2 đến năm 2030, đạt được sự tiếp cận với điều kiện vệ sinh đầy đủ và công bằng cho tất cả mọi người, đặc biệt, quan tâm tới nhu cầu của phụ nữ, trẻ em gái và những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương thì Việt Nam đang đứng trước những thách thức lớn, khi mà mới có 57,9% người dân Việt Nam sử dụng nước uống được quản lý an toàn và 43,9% người dân sử dụng công trình vệ sinh được quản lý an toàn.

### **Bảo đảm quyền tiếp cận nước sạch cho tất cả mọi người**

*Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về TNN nói chung, quyền tiếp cận nước sạch và vệ sinh nói riêng, đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển bền vững quốc gia, lồng ghép tối đa việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về nước sạch và vệ sinh trong các chính sách, chương trình hành động của bộ, ngành và địa phương. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật bảo đảm quyền tiếp cận nước sạch và vệ sinh cho tất cả mọi người.

*Thứ hai*, tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững nói chung, mục tiêu về quyền tiếp cận nước sạch và vệ sinh nói riêng. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực cho cán bộ các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện và giám sát, đánh

giá các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu về nước sạch và vệ sinh.

*Thứ ba*, huy động tối đa các nguồn lực và sự phối hợp chặt chẽ về bộ máy, con người trong việc triển khai thực hiện mục tiêu nước sạch và vệ sinh bền vững. Phát huy vai trò và sự "vào cuộc" của cả hệ thống chính trị, gồm cả sự lãnh đạo của Đảng; sự tham gia của các thiết chế nhà nước; các thiết chế xã hội; thiết chế truyền thông, báo chí; cộng đồng doanh nghiệp và mọi người dân trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững nói chung, mục tiêu về nước sạch và vệ sinh nói riêng.

*Thứ tư*, tăng cường nguồn lực tài chính đa dạng, thích hợp cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó, chú trọng quyền về nước sạch và vệ sinh của tất cả mọi người. Nguồn lực tài chính cần huy động từ nhiều nguồn, từ ngân sách nhà nước; các khoản đầu tư của khối tư nhân trong và ngoài nước; các nguồn hỗ trợ phát triển quốc tế và các đối tác khác. Đi đôi với việc huy động là sự kiểm soát, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực tài chính. Tránh tình trạng đầu tư các công trình xử lý nước sạch nhưng thiếu sự khảo sát, đánh giá tính hợp lý dẫn tới sự lãng phí tài chính. Thậm chí, cần lưu tâm khuyến nghị của Ủy ban Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, theo đó, "các khoản đầu tư không nên ưu tiên không cân đối vào các dịch vụ và các phương tiện cung cấp nước đắt tiền mà thường chỉ có một nhóm nhỏ dân cư có đặc quyền hưởng thụ, mà nên đầu tư vào những dịch vụ và các phương tiện đem lại lợi ích cho phần lớn dân cư".

*Thứ năm*, tăng cường các hoạt động kiểm soát, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi gây ô nhiễm môi trường nói chung, nguồn nước nói riêng; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực thi, tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến nước sạch và vệ sinh; khắc phục kịp thời những sự cố môi trường, trong đó có các sự cố liên quan đến nguồn nước.

*Thứ sáu*, tăng cường hợp tác quốc tế trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững nói chung, mục tiêu về nước sạch và vệ sinh nói riêng; tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm và nâng cao năng lực thực hiện các mục tiêu này; chủ động phối hợp và đồng hành cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực cũng như các thách thức đối với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu về nước sạch và vệ sinh.

Việc xây dựng các mục tiêu phát triển bền vững nói chung, mục tiêu về nước sạch và vệ sinh nói riêng là nỗ lực lớn lao và thể hiện sự khát vọng của Liên hợp quốc cũng như các quốc gia, trong đó có Việt Nam, về một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người. Nhưng để khát vọng đó trở thành hiện thực, để quyền về nước sạch và vệ sinh với tính cách là một quyền thiết yếu của con người được bảo đảm, đòi hỏi sự chung tay quyết liệt của nhiều chủ thể khác nhau trong việc thực hiện một cách đồng bộ nhiều giải pháp và với tâm niệm đơn giản nhưng vô cùng lớn lao của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, đó là "không để ai bị bỏ lại phía sau". ■